

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HƯNG YÊN

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 68/2025/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về con chung*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

1. Họ và tên: Anh **Đặng Việt A**, sinh năm: 1994.

HKTT: Thôn Đ, xã N, tỉnh H.

Hiện trú tại: Căn CX16-32 VOP 2, xã N, tỉnh H.

2. Họ và tên: Chị **Nguyễn Thị Thuỳ D**, sinh năm 1995.

HKTT: Thôn Đ, xã N, tỉnh H.

Hiện trú tại: Số 34, đường N, phường M, tỉnh H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu **Đặng Nguyễn Bảo N**, sinh ngày 04/6/2014.

2. Cháu **Đặng Nguyễn Bảo V**, sinh ngày 02/8/2017.

3. Cháu **Đặng Nguyễn Bảo L**, sinh ngày 14/5/2021.

Cùng HKTT: Thôn Đ, xã N, tỉnh H.

Hiện trú tại: Căn CX16-32 VOP 2, xã N, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật của các cháu: Anh **Đặng Việt A** và chị **Nguyễn Thị Thuỳ D** là bố mẹ đẻ các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 89/2013 của UBND xã V, huyện V, tỉnh H (nay là UBND xã N, tỉnh H) đã xác định: Anh **Đặng Việt A** và chị **Nguyễn Thị Thuỳ D** đăng ký kết hôn ngày 18/12/2013 tại UBND xã V, huyện V (nay là UBND xã N, tỉnh H) trên tinh thần cả hai bên đều tự nguyện, không ai ép buộc,

việc kết hôn đảm bảo các điều kiện quy định của pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa anh Việt A và chị D là hợp pháp được điều chỉnh bởi luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh Việt A, chị D chung sống tại thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh H (Nay là thôn Đ, xã N, tỉnh H).

Anh Việt A và chị D đều thừa nhận: Do có nhiều bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng, không thể chung sống cùng nhau được anh chị sống ly thân từ tháng 6/2024 đến nay, anh chị không nói chuyện, không quan tâm, chăm sóc nhau. Đến nay cả hai đều xác nhận không còn tình cảm với nhau, không muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, anh Việt A, chị D thống nhất ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Việt A với chị D mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng, không giải quyết được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, quan hệ vợ chồng trên thực tế không còn, đời sống chung không thể kéo dài nếu tiếp tục duy trì sẽ ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống của anh chị và các con, cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh chị có căn cứ và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Việt A và chị D.

[2] Về con chung: Anh Việt A và chị D cùng xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Đặng Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04/6/2014, cháu Đặng Nguyễn Bảo V, sinh ngày 02/8/2017, cháu Đặng Nguyễn Bảo L, sinh ngày 14/5/2021. Ly hôn, anh Đặng Việt A và chị Nguyễn Thị Thuý D cùng thống nhất thỏa thuận: Giao cả 03 cháu Đặng Nguyễn Bảo N, cháu Đặng Nguyễn Bảo V, cháu Đặng Nguyễn Bảo L cho anh Đặng Việt A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh Đặng Việt A và chị Nguyễn Thị Thuý D cùng thống nhất thỏa thuận chị D không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho anh Việt A.

Sau ly hôn, chị D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây cản trở, gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con của cha mẹ đang trực tiếp nuôi thì người đó có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên gây ảnh hưởng.

Xét thấy anh Việt A có công việc và thu nhập ổn định. Từ khi ly thân các cháu N, cháu V, cháu L đang được anh Việt A chăm sóc tốt, ổn định. Việc thỏa thuận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, cấp dưỡng nuôi con của anh Việt A và chị D là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của hiện tại của anh chị và

các con, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, đất nông nghiệp: Anh Việt A và chị D cùng không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4]. Về lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đặng Việt A về việc tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Việt A và chị Nguyễn Thị Thuý D đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị D và anh Việt A cùng xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Đặng Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04/6/2014, cháu Đặng Nguyễn Bảo V, sinh ngày 02/8/2017, cháu Đặng Nguyễn Bảo L, sinh ngày 14/5/2021.

Ly hôn, anh Đặng Việt A và chị Nguyễn Thị Thuý D cùng thống nhất thỏa thuận:

Giao cả 03 cháu Đặng Nguyễn Bảo N, cháu Đặng Nguyễn Bảo V, cháu Đặng Nguyễn Bảo L cho anh Đặng Việt A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh Đặng Việt A và chị Nguyễn Thị Thuý D cùng thống nhất thỏa thuận chị D không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho anh Việt A.

Sau khi ly hôn, chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức, đất nông nghiệp: Anh Việt A và chị D cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Đặng Việt A tự nguyện nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí anh Việt A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000957 ngày 08/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, anh Việt A đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Vũ Thu Giang